

Bản án số: 477/2024/DS-PT

Ngày: 05 - 12 - 2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Ninh Quang Thế

Ông Đặng Minh Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 385/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1966.

*Người đại diện hợp pháp của ông P:* Anh Huỳnh Thanh Nghị, sinh năm 1987; cùng địa chỉ ông P (Hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2024, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

**- Bị đơn:** Ông Trần Văn T1, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1:* Bà Quách Ngọc Lam, là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (cùng địa chỉ ông P, có mặt).

2. Ông Đặng Hoài D1, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Trần Hoàng V (Trần Hoàng D2), sinh năm 1954 (có yêu cầu độc lập, có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1:* Ông Kim Chan Đa Ra, là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Bà Lương Thị H, sinh năm 1955 (vắng).

5. Anh Trần Bảo Q (vắng).

6. Anh Trần Cu T2 (vắng).

7. Anh Trần Ô S (vắng).

8. Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình (vắng).

*Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T1 là bị đơn; ông Trần Hoàng V (Diễn) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***\* Trình bày của ông Huỳnh Tân P:***

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do cụ Huỳnh Văn Giác (cha ông P) nhận sang nhượng của cụ Đặng Văn Ấu vào năm 1980, phần đất có diện tích 02 công (tầm 3m), đo đạc thực tế 2.676,1m<sup>2</sup>, trích đo một phần thửa số 561, tờ bản đồ số 10 (bản đồ chỉnh lý năm 2018), tọa lạc tại ấp 1, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Năm 1985, cụ Giác cho ông P, gia đình ông P quản lý, sử dụng phần đất này liên tục cho đến năm 2022 thì nhà nước làm tuyến lộ cao tốc Cần Thơ – Cà Mau đi ngang qua phần đất, thì mới phát hiện ông T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng thửa đất của ông P.

Ông P yêu cầu Tòa án án công nhận cho ông được quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T1 đứng tên đối với phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 2.676,1m<sup>2</sup> trích đo một phần thửa số 561, tờ bản đồ số 10 (bản đồ chỉnh lý năm 2018), đất tọa lạc tại ấp 1, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của ông P.

### ***\* Trình bày của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị N***

Ông T1 xác định phần đất tranh chấp nêu trên không phải đất của ông T1, nhưng nằm trong thửa đất do ông T1 đứng tên Giấy chứng nhận. Nguồn gốc của cụ Chót là mẹ ông Trần Hoàng V (Diễn), cụ Chót có 03 người con tên Trần Hoàng V (Diễn), Đặng Hoài D1, bà Nguyễn Hồng Nho. Cụ Chót chết để lại đất này cho ông V, không có giấy tờ cho đất. Sau đó, ông V giao cho ông T1 quản lý, sử dụng vào năm 1979. Ông T1 chỉ giữ đất dùm ông V, không được sang bán, khi nào ông V về ở trên đất thì ông T1 trả lại đất.

Nay ông T1 không chấp nhận yêu cầu của ông P với lí do là đất của ông V, nếu ông V yêu cầu đòi đất thì ông T1 trả lại, ông T1 và ông V tự thỏa thuận với nhau về thành quả lao động trên đất, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

**\* Trình bày của ông Trần Hoàng V (Trần Hoàng D2):**

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp do chính quyền địa phương cấp 1, xã Thới Bình cấp cho mẹ ông là cụ Đặng Thị Chót, cách nay hơn 50 năm. Sau khi được cấp đất, cụ Chót quản lý, sử dụng hơn 01 năm, do chiến tranh ác liệt nên cụ Chót bỏ đất, đi vào vùng giải phóng sống, phần đất này không ai quản lý. Năm 1997, ông V giao đất cho ông T1 quản lý và giao cho ông T1 làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được quyền sang bán phần đất này, việc giao đất cho ông T1 chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì.

Sau khi gửi đất cho ông T1, ông V không gặp ông T1 để hỏi về phần đất; từ sau năm 2022, ông V yêu cầu ông T1 trả lại đất, ông T1 đồng ý trả nhưng đất do ông P quản lý nên ông P không đồng ý trả.

**\* Trình bày của ông Đặng Hoài D1:**

Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện tại giữa ông Huỳnh Tấn P và ông Trần Văn T1 là của Nhà nước cấp cho ông Đặng Văn Ấu và bà Đặng Thị Chót nhưng không biết rõ thời gian cấp, lúc canh tác đất thì ông V không sống chung với gia đình mà sống riêng với lí do trước đây đi bộ đội, sau đó lập gia đình và sinh sống nơi khác. Từ năm 1975 cho đến năm 2022, không có lần nào ông V về quê tại ấp 1, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau để đặt vấn đề đòi lại đất.

Lúc sinh thời, ông Đặng Văn Ấu sang nhượng cho ông Huỳnh Văn Giác phần đất có diện tích 02 công (tầm 3m), ông D1 lúc này khoảng 15 tuổi, được ông Ấu bảo đến nhà ông Giác lấy lúa. Sau khi nhận sang nhượng, ông Giác quản lý, sử dụng đất một thời gian thì cho lại con trai là Huỳnh Tấn P canh tác, sử dụng cho đến nay.

Ông D1 xác định ý kiến của ông V là không đúng, lúc chiến tranh ác liệt thì ông Ấu và bà Chót đi vào vùng giải phóng sống, phần đất này bỏ hoang, bà Chót chết khi còn trong vùng giải phóng. Sau tiếp thu tức năm 1975, ông Ấu trở về phần đất này canh tác, ông D1 và ông Ấu cùng canh tác, ông V không có về địa phương nên không có quản lý, sử dụng đất.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P.

Điều chỉnh một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0081401, số vào sổ 11653 QSDĐ, cấp ngày 17/12/1996 do ông Trần Văn T1 đứng tên quyền sử dụng, phần đất điều chỉnh có diện tích 2676,1m<sup>2</sup> (trong đó có 54,5m<sup>2</sup> là đường Bê tông hiện trạng), tọa lạc tại ấp 1, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cho ông P được quyền quản lý, sử dụng (vị trí được thể hiện tại bản Trích đo hiện trạng ngày 29/12/2023 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam).

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Hoàng V.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu điều chỉnh Giấy chứng nhận, về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, ông Trần Văn T1 là bị đơn và ông Trần Văn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

- Ông Trần Văn T1 kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Tấn P.

Không đồng ý hoàn trả chi phí tố tụng cho ông P số tiền 13.645.800 đồng, vì ông T1 và ông P không có nghĩa vụ gì với nhau.

- Ông Trần Hoàng V kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Tấn P, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng V.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện nguyên đơn, anh Huỳnh Thanh Nghị và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị N trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, không đồng ý kháng cáo của ông T1 và ông V với lý do: phần đất cụ Giác nhận sang nhượng từ cụ Âu; ông D1 là con ruột cụ Âu ở cùng cụ Âu xác nhận sự kiện sang nhượng; gia đình ông P quản lý, sử dụng đất trên 40 năm, ông T1 cũng như ông V không có ý kiến gì.

- Ông Trần Văn T1 và Luật sư bảo vệ cho ông T1 trình bày: giữ nguyên kháng cáo. Ông P không có quyền khởi kiện; bản chất đất là của ông V, như vậy bị đơn là ông T1 hay là ông T1 và ông V cùng là bị đơn để xác định trách nhiệm chịu chi phí tố tụng.

- Ông Trần Hoàng V và Luật sư bảo vệ cho ông V trình bày: yêu cầu khởi kiện của ông P không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; cụ Giác mới có quyền khởi kiện; ông V được cụ Chót cho đất, vì lý do sức khỏe nên gửi đất cho ông T1 và ông T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp; giấy giao kèo sang bán là hợp thức hóa, làm cho Tòa án cấp sơ thẩm nhầm lẫn có sự kiện cụ Âu sang bán đất cho cụ Giác.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông T1, ông V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.*

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T1 và ông Trần Hoàng V nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Theo như ông P trình bày: ông P được cha ruột là cụ Giác tặng cho 02 công đất vườn, khi nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận thì ông P kê khai toàn bộ đất mà ông đang quản lý, sử dụng; năm 1997, ông P được cấp Giấy chứng nhận có tổng diện tích 15.090m<sup>2</sup>, ông P nghĩ rằng đã được cấp Giấy chứng nhận luôn cả phần đất cụ Giác tặng, đến khi nhà nước thu hồi đất làm Dự án thì mới phát hiện Giấy chứng nhận bị thiếu đất, cho nên ông P khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, ông P có quyền khởi kiện chứ không phải không có quyền khởi kiện như người bảo vệ quyền lợi cho ông T1 và ông V trình bày tại phiên tòa.

[3] Các đương sự tranh chấp phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 2.676,1m<sup>2</sup> được trích đo một phần thửa số 561, tờ bản đồ số 10 (bản đồ chỉnh lý năm 2018), tọa lạc tại ấp 1, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

[4] Xét kháng cáo của ông Trần Văn T1

4.1- Ông T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn P, ông T1 không đồng ý điều chỉnh tên sang ông P; theo như ông T1 trình bày 2.676,1m<sup>2</sup> không phải là đất của ông T1, mà là đất của ông V nhờ ông T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T1 chỉ đồng ý sang tên trả lại cho ông V. Qua ý kiến của ông T1, Hội đồng xét xử xem xét:

- Xét về nguồn gốc đất: bị đơn ông T1 xác nhận quyền sử dụng 2.676,1m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp không thuộc về ông T1, ông T1 không có phần đất này.

Theo như ông P trình bày, đất có nguồn gốc của cụ Đặng Văn Ấu sang bán cho cụ Huỳnh Văn Giác (cha ông P) từ năm 1980, cụ Giác quản lý đất từ khi nhận chuyển nhượng; năm 1985, ông P cưới vợ ra riêng, được cụ Giác cho đất và ông P quản lý đến nay. Lời trình bày của ông P phù hợp với lời khai của ông Đặng Hoài D1 là con ruột của cụ Ấu. Tại Biên bản làm việc của Tòa án huyện ngày 22/5/2024 (bút lục 122, 123) thể hiện nội dung ông D1 trình bày: phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ cụ Ấu sang bán cho cụ Giác giá 60 gạ lúa, ông D1 là người trực tiếp đến nhà cụ Giác nhận lúa đầy đủ, cụ Ấu giao đất cho cụ Giác quản lý, sử dụng cho đến nay; ông V là con riêng của cụ Nguyễn Thị Chót (cụ Chót là vợ sau của cụ Ấu), cụ Chót không liên quan gì đến phần đất, bởi vì vợ chồng cụ Ấu, Chót là cha mẹ ruột ông D1 chạy giặc sống ở vùng giải phóng, cụ Chót qua đời tại đây; chỉ có hai cha con là cụ Ấu và ông D1 sinh sống cùng nhau trên mảnh đất, cụ Ấu được nhà nước cấp đất, cho nên cụ mới bán bớt đi một phần cho cha của ông P; ông V không liên quan gì đến phần đất.

- Liên quan đến nguồn gốc đất, ông V cho rằng đất của cụ Chót (mẹ ông V), nhưng ông V không đưa ra căn cứ chứng minh đất của cụ Chót; ông V không có căn cứ pháp lý để chứng minh cho việc nhờ ông T1 đứng tên hộ; ông V chưa từng sinh sống tại địa phương (xã Thới Bình, huyện Thới Bình), chưa từng sinh sống trên phần đất và từ năm 1980 đến năm 2022 chưa lần nào ông V đến phần đất điều này được ông V, ông T1 và ông P xác nhận. Như vậy, nếu là đất của ông V nhờ

ông T1 đứng tên, tại sao gần 40 năm ông V không đòi lại đất.

- Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất: từ năm 1980 cha ông P quản lý, sử dụng đất; đến năm 1985, vợ chồng ông P quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay, không tranh chấp với ai được người dân tại địa phương xác nhận. Gia đình ông P trồng trọt, khoảng từ năm 2010 khi bị nước mặn tràn, thì chuyển nuôi tôm và cất nhà kiên cố trên đất (hiện nhà bị giải tỏa); phần diện tích đất tranh chấp 2.676,1m<sup>2</sup> nằm cùng trên thửa đất lớn của ông P được nhà nước cấp Giấy chứng nhận năm 1997 có diện tích 15.090m<sup>2</sup>; ông P cho rằng 2.676,1m<sup>2</sup> đã được cấp Giấy chứng nhận trong diện tích chung này; về phía ông T1 cũng không biết được là ông T1 được cấp Giấy chứng nhận có phần đất tranh chấp. Cho đến năm 2022, khi thực hiện Dự án lộ cao tốc Hậu Giang – Cà Mau, ông P lập thủ tục nhận tiền bồi thường, lúc này mới phát hiện ông T1 đứng tên Giấy chứng nhận, từ đó xảy ra tranh chấp.

- Thời điểm năm 1996 ông T1 được cấp Giấy chứng nhận; năm 1997 ông P được cấp Giấy chứng nhận, cả hai đương sự đều không xác định được đất đang quản lý sử dụng có đúng với diện tích trong Giấy hay không. Trên thực tế, ông T1 quản lý thửa đất giáp ranh đất ông P, cả hai hộ đều quản lý, sử dụng ổn định; phần đất 2.676,1m<sup>2</sup> là phần đất nằm cùng thửa đất của ông P, do đó ông P xác định phần đất thuộc quyền sử dụng của ông P là có cơ sở; ông T1 xác định không phải đất của ông T1 mà cho rằng đất ông V nhờ đứng tên dùm, cả ông T1 và ông V đều không đưa ra được căn cứ chứng minh đất của ông V; do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là phù hợp quy định pháp luật.

4.2- Xét kháng cáo của ông T1 không đồng ý trả lại tiền chi phí tố tụng cho ông P.

Ông P khởi kiện đối với ông T1, về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, ông T1 không đồng ý; Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông P. Căn cứ Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông P không phải chịu, ông T1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng; ông P đã nộp đủ nên ông T1 phải hoàn trả lại cho ông P chi phí tố tụng (chi phí đo đạc, thẩm định giá, thẩm định tại chỗ...) là phù hợp quy định pháp luật.

Với phân tích trên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T1.

[5] Xét kháng cáo của ông Trần Hoàng V, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ khởi kiện của ông P, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V

Như đã phân tích trên đối với kháng cáo của ông T1, ông T1 và ông V không đưa ra được căn cứ chứng minh đất tranh chấp là đất của ông V nhờ ông T1 đứng tên dùm. Phía ông P chứng minh được đất do cụ Giác nhận sang nhượng từ cụ Ấu vào năm 1980, con ruột cụ Ấu là ông D1 sống cùng với cha cho đến khi cụ Ấu qua đời, sinh thời cụ Ấu sang đất quy ra giá trị lúa, chính ông D1 trực tiếp nhận lúa từ cụ Giác, ông D1 biết rõ cụ Ấu giao đất cho cụ Giác quản lý, sử dụng từ năm 1980; ông V không phải là con ruột cụ Ấu và không sống cùng với cụ Ấu và ông D1; và từ năm 1980 đến năm 2022 ông V không đến phần đất trong khi ông V sinh

sống tại xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau. Nếu là đất của ông V nhờ ông T1 đứng tên dùm thì thời gian 40 năm qua ông V phải yêu cầu nhận lại đất; mặt khác, ông T1 đứng tên dùm nhưng không biết vị trí đất, không có ý kiến phản đối khi ông P xây cất nhà, sử dụng đất vào trồng trọt, nuôi trồng thủy sản...;

Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông V.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm ông T1 và ông V được miễn.

[7] Hội đồng xét xử điều chỉnh cách tuyên án chứ không cần thiết phải sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

[8] Đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T1, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoàng V (Trần Hoàng D2); giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P.

Ông Huỳnh Tấn P được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 2676,1m<sup>2</sup> (trong đó có 54,5m<sup>2</sup> là đường Bê tông hiện trạng), tọa lạc tại ấp 1, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, vị trí thửa đất thể hiện:

Cạnh mặt tiền giáp Kinh Xáng tính từ mốc M4-M5 dài 25,82m, từ mốc M5-M6 dài 9,87m;

Cạnh mặt hậu giáp phần đất của Ban chỉ huy quân sự huyện Thới Bình tính từ mốc M1-M2 dài 35,85m;

Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại không tranh chấp của ông Huỳnh Tấn P (dự án đường cao tốc) từ mốc M4-M3 dài 35,41m, tính từ mốc M3-M2 dài 43,57m.

Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất không tranh chấp của ông Trần Văn T1 tính từ mốc M6-M7 dài 8,72m, từ mốc M7-M1 dài 67,66m.

*(Kèm theo bản Trích đo hiện trạng ngày 29/12/2023 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam).*

Phần đất do ông Trần Văn T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0081401, số vào sổ 11653 QSDĐ, cấp ngày 17/12/1996; ông Huỳnh Tấn P có

quyền liên hệ với Cơ quan chuyên môn làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Hoàng V đối với ông Trần Văn T1 về việc đòi lại phần đất có diện tích 2676,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 1, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Về chi phí tố tụng ông Trần Văn T1 phải chịu. Ông Huỳnh Tấn P đã nộp đủ, ông T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông P số tiền 13.645.800 đồng (*mười ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm*).

Trường hợp ông T1 chậm trả tiền cho ông P thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

#### 4. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Văn T1 và ông Trần Hoàng V được miễn.

- Ông Huỳnh Tấn P không phải chịu án phí. Ngày 20/4/2023, ông Huỳnh Tấn P có nộp tạm ứng án phí 2.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình theo Biên lai số 0003545, ông P được nhận lại.

5. Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**



**THÀNH VIÊN HĐXX PHÚC THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Quang Thế - Đặng Minh Trung**

**Nguyễn Thị Hiền**